

Số: 353./BC-BĐCLKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

KHẢO SÁT TÂN NGƯỜI HỌC NĂM 2026

- Đối tượng khảo sát: Toàn bộ tân sinh viên trúng tuyển và nhập học năm 2026 của 14 ngành đào tạo thuộc Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

- Cỡ mẫu khảo sát: 2.098 người học (2.097 tân sinh viên đại học chính quy và 01 học viên cao học).

- Thời gian thu thập dữ liệu: Đợt đón tiếp và làm thủ tục nhập học tháng 08/2026.

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÂN SINH VIÊN

1. Phân bố theo ngành đào tạo trúng tuyển

Bảng 1.1. Phân bố tân người học theo ngành đào tạo (N = 2.098)

STT	Ngành đào tạo trúng tuyển	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
1	Y đa khoa	782	37,3%
2	Điều dưỡng	403	19,2%
3	Dược học	177	8,4%
4	Răng – Hàm – Mặt	100	4,8%
5	Y tế công cộng	89	4,2%
6	Dinh dưỡng	83	4,0%
7	Y học cổ truyền	76	3,6%
8	Kỹ thuật xét nghiệm y học	75	3,6%
9	Kỹ thuật hình ảnh y học	68	3,2%
10	Khúc xạ nhãn khoa	61	2,9%
11	Kỹ thuật Gây mê hồi sức	51	2,4%
12	Tâm lý học	49	2,3%
13	Hộ sinh	46	2,2%

STT	Ngành đào tạo trúng tuyển	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
14	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	38	1,8%
Tổng cộng		2.098	100%

Tân sinh viên tham gia khảo sát phân bố trên toàn bộ 14 ngành đào tạo của Nhà trường, trong đó ngành Y đa khoa chiếm quy mô lớn nhất (37,3%), kế đến là ngành Điều dưỡng (19,2%) và ngành Dược học (8,4%).

2. Cơ cấu giới tính và địa bàn nguồn tuyển

Bảng 1.2. Phân bố cơ cấu giới tính toàn trường

Giới tính	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Nữ	1.201	57,2%
Nam	890	42,4%
Khác	7	0,3%
Tổng cộng	2.098	100%

- Cơ cấu giới tính: Khác với phân bố riêng của ngành Y đa khoa (nam giới chiếm 58,4%), tính trên toàn Trường, tỷ lệ nữ giới chiếm ưu thế với 57,2% (n = 1.201), nam giới chiếm 42,4% (n = 890), và 7 sinh viên thuộc nhóm khác (0,3%). Điều này phản ánh đặc thù tuyển sinh của các ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y học, YTCC có số lượng nữ theo học chiếm đa số.

- Địa bàn nguồn tuyển: Tân sinh viên có hộ khẩu thường trú tại TP. Hồ Chí Minh chiếm 46,4% (n = 973). Sinh viên ngoại tỉnh chiếm 53,6%, tập trung đông nhất tại các tỉnh Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Tây Nguyên như Đồng Tháp (6,7%), Đồng Nai (6,3%), Lâm Đồng (5,7%), An Giang (4,8%), Tây Ninh (4,7%), Gia Lai (3,8%), Vĩnh Long (3,4%), Đắk Lắk (2,3%).

II. LÝ DO LỰA CHỌN TRƯỜNG VÀ NGÀNH HỌC

(Câu hỏi đa lựa chọn, tỷ lệ % được tính trên tổng số N = 2.098 sinh viên toàn trường tham gia khảo sát)

Bảng 2.1. Thống kê lý do lựa chọn ngành trúng tuyển (Toàn trường)

STT	Lý do lựa chọn ngành	Số lượt chọn (n)	Tỷ lệ (%)
1	Yêu thích của chính bản thân	1.715	81,7%
2	Tư vấn của gia đình	819	39,0%
3	Có ba/mẹ/người thân trong ngành y tế	382	18,2%
4	Tư vấn của thầy/cô THPT	305	14,5%
5	Tư vấn của bạn bè	194	9,2%
6	Lý do khác (phù hợp năng lực, sứ mệnh cứu người...)	10	0,5%

Bảng 2.2. Thống kê lý do lựa chọn Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch

STT	Lý do lựa chọn Trường	Số lượt chọn (n)	Tỷ lệ (%)
1	Yêu thích của chính bản thân	1.835	87,5%
2	Tư vấn của gia đình	956	45,6%
3	Tư vấn của thầy/cô THPT	439	20,9%
4	Tư vấn của bạn bè	296	14,1%
5	Không có lựa chọn học trường khác / Nguyên vọng phụ	88	4,2%
6	Lý do khác (chất lượng đào tạo, cơ sở vật chất, vị trí...)	22	1,0%

Kết quả khảo sát xác định động lực tại từ sở thích, đam mê của bản thân là yếu tố quan trọng nhất quyết định đăng ký xét tuyển (trên 81% ở cả hai phương diện chọn trường và chọn ngành). Yếu tố gia đình giữ vị trí thứ hai, trong khi tư vấn từ thầy/cô trường THPT đóng vai trò hỗ trợ định hướng rõ rệt.

III. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA TÂN NGƯỜI HỌC

Bộ công cụ khảo sát đánh giá mức độ hài lòng sử dụng thang đo 5 mức độ chuẩn

Likert:

- Mức 1: Rất hài lòng / Hoàn toàn hài lòng
- Mức 2: Hài lòng
- Mức 3: Phân vân
- Mức 4: Không hài lòng
- Mức 5: Rất không hài lòng

Quy ước tính toán thống kê:

- Tỷ lệ hài lòng (%): Tỷ lệ phần trăm cộng gộp của hai mức đánh giá tích cực nhất (Mức 1 và Mức 2).
- Điểm trung bình (ĐTB): Thang từ 1.0 đến 5.0; điểm trung bình càng tiến về 1.0 thể hiện mức độ hài lòng/đồng thuận càng cao.

Bảng 3. Bảng tổng hợp chi tiết mức độ hài lòng (Toàn trường, n = 2.098)

Lĩnh vực / Tiêu chí đánh giá	Mức 1 (n)	Mức 2 (n)	Mức 3 (n)	Mức 4 (n)	Mức 5 (n)	Điểm TB	Tỷ lệ HL (%)
I. Mục tiêu, chuẩn đầu ra (CĐR) và chương trình dạy học							
1. Trường có mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) được công bố rõ ràng.	1.248	777	57	0	16	1.46	96,5%
2. Trường có CĐR của CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức.	1.278	746	57	0	17	1.44	96,5%
3. Trường có chương trình dạy học được phổ biến cụ thể.	1.283	728	70	1	16	1.45	95,9%

Lĩnh vực / Tiêu chí đánh giá	Mức 1 (n)	Mức 2 (n)	Mức 3 (n)	Mức 4 (n)	Mức 5 (n)	Điểm TB	Tỷ lệ HL (%)
II. Triết lý giáo dục, tâm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi							
4. Trường có triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng.	1.215	813	55	0	15	1.47	96,7%
5. Tâm nhìn, sứ mạng của Trường được công khai trên nhiều hình thức.	1.281	758	44	1	14	1.43	97,2%
6. Giá trị cốt lõi của Trường được công khai trên nhiều hình thức.	1.284	749	48	3	14	1.43	96,9%
7. Anh/chị hiểu về tâm nhìn, sứ mạng của Trường.	1.155	813	113	4	13	1.53	93,8%
8. Anh/chị hiểu về giá trị cốt lõi của Trường.	1.165	803	114	2	14	1.52	93,8%
III. Chính sách và quy định tuyển sinh							
9. Trường có chính sách tuyển sinh rõ ràng.	1.411	635	36	1	15	1.37	97,5%

Lĩnh vực / Tiêu chí đánh giá	Mức 1 (n)	Mức 2 (n)	Mức 3 (n)	Mức 4 (n)	Mức 5 (n)	Điểm TB	Tỷ lệ HL (%)
10. Trường có quy định về tuyển sinh đúng với quy định hiện hành.	1.393	659	31	0	15	1.37	97,8%
11. Chính sách tuyển sinh được công bố công khai bằng nhiều hình thức.	1.371	680	32	0	15	1.38	97,8%
IV. Môi trường, cảnh quan nơi nhập học							
12. Cảnh quan nơi đăng ký nhập học của Trường sạch sẽ.	1.451	590	41	0	16	1.35	97,3%
13. Không gian nơi đăng ký nhập học thoải mái.	1.423	605	54	0	16	1.37	96,7%
V. Thông tin chính sách ưu đãi và học bổng							
14. Trường có các chính sách ưu đãi rõ ràng.	1.231	760	90	1	16	1.48	94,9%

Lĩnh vực / Tiêu chí đánh giá	Mức 1 (n)	Mức 2 (n)	Mức 3 (n)	Mức 4 (n)	Mức 5 (n)	Điểm TB	Tỷ lệ HL (%)
15. Trường có các chính sách học bổng cụ thể.	1.248	736	95	3	16	1.48	94,6%
VI. Công tác hỗ trợ người học							
16. Trường có tư vấn về nhà trọ cho người học có nhu cầu một cách đầy đủ.	1.073	764	233	9	19	1.64	87,6%
17. Trường có giới thiệu cụ thể các thủ tục khám sức khỏe cho người học.	1.209	776	96	1	16	1.49	94,6%
18. Trường có tư vấn về bảo hiểm y tế cho người học đầy đủ.	1.205	788	88	1	16	1.49	95,0%
19. Anh/chị hài lòng với công tác hỗ trợ người học của Trường.	1.276	735	66	5	16	1.45	95,9%

1. Các tiêu chí được đánh giá hài lòng cao nhất (Top 5 toàn trường)

Nhóm tiêu chí dẫn đầu thể hiện thế mạnh vượt trội của Nhà trường trong việc tuân thủ quy chế chuyên môn, tính minh bạch trong tuyển sinh và sự chu đáo trong khâu tổ chức tiếp nhận hồ sơ.

Bảng 4. 5 tiêu chí có mức độ hài lòng cao nhất toàn trường

Xếp hạng	Tiêu chí đánh giá	Điểm trung bình	Tỷ lệ hài lòng (%)
1	Trường có quy định về tuyển sinh đúng với quy định hiện hành.	1.37	97,8%
2	Chính sách tuyển sinh được công bố công khai bằng nhiều hình thức.	1.38	97,8%
3	Trường có chính sách tuyển sinh rõ ràng.	1.37	97,5%
4	Cảnh quan nơi đăng ký nhập học của Trường sạch sẽ.	1.35	97,3%
5	Tâm nhìn, sứ mạng của Trường được công khai trên nhiều hình thức.	1.43	97,2%

2. Các tiêu chí cần lưu ý và cải thiện (Top 5 thấp nhất toàn trường)

Đây là các khía cạnh ghi nhận tỷ lệ tân sinh viên chọn mức Phân vân khá cao (từ 90 đến 233 sinh viên mỗi mục), cho thấy thông tin chưa đến được đầy đủ với người học hoặc dịch vụ chưa đáp ứng trọn vẹn kỳ vọng.

Bảng 5. 5 tiêu chí cần theo dõi và cải tiến toàn trường

Xếp hạng	Tiêu chí đánh giá	Điểm trung bình	Tỷ lệ hài lòng (%)	Điểm nghẽn cần lưu ý
1	Trường có tư vấn về nhà trọ cho người học có nhu cầu một cách đầy đủ.	1.64	87,6%	Tiêu chí duy nhất có tỷ lệ hài lòng < 90%; có tới 233 SV phân vân và 28 SV không hài lòng.
2	Anh/chị hiểu về tầm nhìn, sứ mạng của Trường.	1.53	93,8%	Có 113 SV phân vân; SV mới chỉ biết khẩu hiệu nhưng chưa thấu hiểu nội hàm.

Xếp hạng	Tiêu chí đánh giá	Điểm trung bình	Tỷ lệ hài lòng (%)	Điểm nhấn cần lưu ý
3	Anh/chị hiểu về giá trị cốt lõi của Trường.	1.52	93,8%	Có 114 SV phân vân; cần truyền thông giá trị cốt lõi gắn liền với đạo đức nghề y.
4	Trường có các chính sách học bổng cụ thể.	1.48	94,6%	Có 95 SV phân vân; thiếu thông tin về các quỹ học bổng ngoài ngân sách.

IV. PHÂN TÍCH Ý KIẾN ĐÓNG GÓP MỞ CỦA TÂN SINH VIÊN

Khảo sát ghi nhận 146 ý kiến đóng góp chi tiết mang tính xây dựng từ tân sinh viên các khoa. Tổng hợp định tính cho thấy 4 vấn đề được sinh viên toàn trường đặc biệt quan tâm:

1. Vấn đề chỗ ở và Ký túc xá (42% số ý kiến góp ý):

Với hơn 53% sinh viên đến từ các tỉnh thành ngoài TP.HCM, nhu cầu về ký túc xá và phòng trọ an toàn là cấp thiết nhất. Nhiều sinh viên kiến nghị Nhà trường đẩy nhanh tiến độ xây dựng ký túc xá tại cơ sở Tân Nhựt hoặc liên kết với hệ thống KTX Đại học Quốc gia, đồng thời thiết lập danh bạ nhà trọ khảo sát trước về an ninh, giá cả để hỗ trợ người học.

2. Chính sách học phí và Quỹ học bổng (28% số ý kiến):

Sinh viên các ngành Y đa khoa, Dược, Răng Hàm Mặt bày tỏ áp lực tài chính đối với mức học phí mới. Tân người học kiến nghị:

- Cho phép chia nhỏ học phí thành 2–3 đợt đóng trong học kỳ.
- Mở rộng thêm các gói học bổng khuyến khích tài năng, học bổng vượt khó và học bổng doanh nghiệp tài trợ.

3. Cải tiến hệ thống hạ tầng công nghệ và Cổng nhập học (18% số ý kiến):

Phản ánh công thông tin đăng ký nhập học trực tuyến vào những ngày cao điểm đôi lúc bị chậm, giao diện cần thân thiện hơn trên điện thoại di động; đề xuất chuyển đổi số đồng bộ để người học không phải nộp song song cả hồ sơ giấy và hồ sơ online.

4. Kênh giải đáp thắc mắc và Kết nối tân sinh viên (12% số ý kiến):

Tân sinh viên đề xuất lập các nhóm hỗ trợ chính thức (Zalo/Teams) được điều phối bởi Ban Cố vấn học tập và Đoàn – Hội của từng Khoa ngay khi có thông báo trúng tuyển, tránh việc sinh viên tham gia vào các hội nhóm không chính thống dẫn đến tiếp nhận sai thông tin.

V. KẾT LUẬN CHUNG VÀ ĐỀ XUẤT HÀNH ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

1. Kết luận chung

Về mức độ hài lòng tổng thể: Công tác chuẩn bị tuyển sinh, tiếp nhận hồ sơ và điều kiện cơ sở vật chất phục vụ đón tiếp tân sinh viên năm 2026 của toàn Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch đạt chất lượng rất tốt. 18/19 tiêu chí đều đạt tỷ lệ hài lòng vượt mức 93,8%, điểm trung bình dao động tích cực từ 1.35 đến 1.53.

Về vấn đề trọng tâm: Khâu tư vấn nhà trọ và lưu trú cho sinh viên ngoại tỉnh là mắt xích còn nhiều hạn chế nhất trong quá trình hỗ trợ người học (tỷ lệ hài lòng chỉ đạt 87,6% với 233 sinh viên chọn mức phân vân). Bên cạnh đó, công tác truyền thông chiều sâu về Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi và các chính sách học bổng cần được đẩy mạnh ngay từ đầu khóa.

2. Kế hoạch hành động cải tiến chất lượng

Đơn vị phụ trách	Nội dung hành động cải tiến cụ thể	Thời gian hoàn thành	Chỉ số đo lường (KPI)
Phòng Công tác sinh viên	• Xây dựng Cẩm nang và Bản đồ số nhà trọ tin cậy tại khu vực Tân Nhựt và lân cận cơ sở chính.	Trước đợt tuyển sinh năm 2027 (hoàn thành cẩm nang trọ trong Q2/2027)	Tỷ lệ hài lòng về tư vấn nhà trọ năm 2027 đạt 92,0%

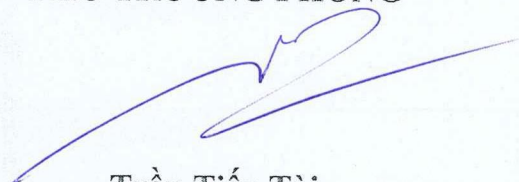
Đơn vị phụ trách	Nội dung hành động cải tiến cụ thể	Thời gian hoàn thành	Chỉ số đo lường (KPI)
	• Phối hợp với KTX ĐHQG-HCM hoặc KTX các trường lân cận đặt suất lưu trú ngoại trú an toàn. • Phổ biến rõ ràng quy trình xét học bổng khuyến học, chính sách miễn giảm học phí và thủ tục vay vốn ngân hàng chính sách xã hội.		
Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên Trường	• Thành lập Đội hình phản ứng nhanh <i>Tiếp sức đến trường</i> hỗ trợ khảo sát thực tế tân sinh viên đi tìm trọ. • Thiết lập kênh Zalo OA / Diễn đàn sinh viên chính thức theo từng ngành để giải đáp kịp thời thắc mắc của tân sinh viên.	Triển khai ngay trong các đợt đón tiếp sinh viên	100% tân sinh viên có nhu cầu được hỗ trợ kết nối thông tin lưu trú
Phòng Bảo đảm Chất lượng và Khảo thí	• Định kỳ giám sát tiến độ thực hiện các hành động khắc phục từ kết quả khảo sát. • Chuẩn hóa ngân hàng câu hỏi khảo sát tân người học, tích hợp đánh giá sâu hơn về hạ tầng số và quy trình nhập học trực tuyến.	Tháng 10 hàng năm	Báo cáo giám sát cải tiến sau khảo sát được ban hành đúng hạn

Đơn vị phụ trách	Nội dung hành động cải tiến cụ thể	Thời gian hoàn thành	Chỉ số đo lường (KPI)
Phòng Quản lý Đào tạo Đại học và Phòng CNTT	- Nâng cấp giao diện Cổng tuyển sinh/nhập học trực tuyến. - Tối ưu hóa mô hình Nhập học 1 chạm, giảm thiểu tối đa các thủ tục trùng lặp giữa trực tuyến và trực tiếp.	Trước tháng 06/2027	Giảm 50% thời gian chờ đợi tại các bàn làm thủ tục trực tiếp

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO



Hoàng Thị Diễm Phương

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


Trần Tiến Tài